TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 192/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Quang, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 253/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường G, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về việc nuôi con: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 01/7/2016 cho đến khi cháu Phạm Bảo A đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Việt A1, sinh ngày 24/8/2011 cho đến khi cháu Phạm Việt A1 đủ 18 tuổi, anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh H, chị T có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh Phạm Văn H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 12/11/2020, theo biên lai thu số: 0001282.

Trả lại anh Phạm Văn H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND phường Biên Giang (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tuấn Vĩnh